

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ P  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HS-ST  
Ngày 31-3-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Cao Thị Thanh Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Tô Thị Lành và bà Đoàn Thị Bích Hà.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Quang Ân - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông Đào Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

**Nguyễn Nhật L**, sinh năm 1996 tại Gia Lai; nơi cư trú: Tổ 3, phường Phù Đồng, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Sửa chữa điện thoại; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn C và bà Lê Thị Thảo Kim; bị cáo chưa có vợ và con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giữ ngày 30-9-2020 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

**Bị hại:**

- Anh Trương Tiến H, sinh năm 1986; địa chỉ: 69 đường T, tổ 01, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Như K, sinh năm 1991; địa chỉ: Hẻm 149 đường T1, tổ 10, phường P1, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Xuân S, sinh năm 1995; địa chỉ: 23/46 đường V, phường T1, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Chị Bùi Thị Hiếu A, sinh năm 1995; địa chỉ: 648 đường L, phường T2, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện L, tỉnh L. Vắng mặt.

- Ông Phạm Đức M, sinh năm 1968; địa chỉ: 141 đường H, tổ 13, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Ông Nguyễn C, sinh năm 1975; địa chỉ: 131/1 đường T, tổ 10, phường P1, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1981; địa chỉ: 14 đường P1, tổ 1, phường P1, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1987; địa chỉ: 302 đường H, tổ 1, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Ông Hoàng Văn Y, sinh năm 1974; địa chỉ: 17 đường N, tổ 8, phường T1, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

*\* Người chứng kiến:* Ông Dương Công K, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ 6, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

#### **1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:**

Trên cơ sở kết quả điều tra, xác định được như sau:

Nguyễn Nhật L là người có sử dụng ma túy. Từ tháng 5-2019 đến tháng 9-2020, L đã thực hiện 6 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố P, cụ thể như sau:

*Vụ thứ nhất:* Tháng 5-2019, Nguyễn Nhật L làm thợ sửa điện thoại tại cửa hàng điện thoại di động H Mobile ở 69 đường T, thành phố P, do anh Trương Tiến H làm chủ. Khoảng 11 giờ ngày 08-5-2019, L phát hiện trong ngăn bàn sửa điện thoại của cửa hàng H Mobile có để điện thoại di động hiệu Nokia 8800E màu đen; đây là điện thoại anh H nhận sửa cho khách hàng. Lợi dụng sơ hở của anh H, L lén lút trộm cắp điện thoại di động hiệu Nokia 8800E màu đen nêu trên cất giấu vào người, rồi gọi điện thoại cho dịch vụ xe ta-xi Uber đến đón. Một lúc sau, ông Hoàng Văn Y là người lái xe dịch vụ Uber điều khiển xe ô tô đến cửa hàng điện thoại H Mobile đón L. L yêu cầu ông Y chở đến cửa hàng điện thoại T ở 279 đường N, phường P1, thành phố P. Khi đến nơi, L nhờ ông Y vào bán chiếc giúp điện thoại di động hiệu Nokia 8800E vừa trộm cắp được. Ông Y cầm điện thoại trên vào bán cho anh Nguyễn Thanh T là chủ cửa hàng điện thoại T được 6.000.000 đồng, rồi quay ra đưa tiền cho L; số tiền trên, sau đó L đã tiêu xài hết, rồi bỏ trốn. Đối với anh H, sau khi phát hiện bị mất điện thoại di động hiệu Nokia 8800E, đã dò hỏi các cửa hàng điện thoại di động và đến cửa hàng T chuộc lại chiếc điện thoại trên, rồi đến Công an thành phố P trình báo và giao nộp điện

thoại. Qua định giá, kết luận điện thoại di động hiệu Nokia 8800E mà L chiếm đoạt của anh H vào ngày 08-5-2019, có trị giá 8.000.000 đồng. Sau khi định giá, Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại chiếc điện thoại di động trên cho anh H.

*Vụ thứ hai:* Do có quen biết với anh Nguyễn Như K là chủ hiệu cầm đồ H1 ở 178 đường L, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai, nên khoảng 10 giờ ngày 05-12-2019, Nguyễn Nhật L đến hiệu cầm đồ H1 chơi với anh K. Tại đây, lợi dụng sơ hở của anh K, L đã lén lút mở tủ trộm cắp 1 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus màu đỏ (loại 64G) và 1 điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu đen (loại 64G) của anh K, rồi tẩu thoát. Sau đó, L mang 2 điện thoại di động vừa trộm cắp được đến cửa hàng điện thoại H ở 302 đường H, phường H, thành phố P bán cho anh Nguyễn Văn Q là chủ cửa hàng được 7.500.000 đồng sử dụng tiêu xài. Sau khi mua các điện thoại di động trên của L, anh Q đã bán lại cho người khác, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P không thu giữ được. Qua định giá, kết luận 2 điện thoại di động hiệu Iphone 7 và 8 Plus mà L chiếm đoạt của anh K vào ngày 05-12-2019, có tổng trị giá 11.500.000 đồng.

*Vụ thứ ba:* Khoảng 3 giờ ngày 16-9-2020, Nguyễn Nhật L đến khu vực Khoa Sản Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai để tìm cơ hội trộm cắp tài sản của bệnh nhân và người nhà bệnh nhân. Khi đi đến phòng điều trị theo yêu cầu số 1 ở tầng 2, L phát hiện mọi người trong phòng đã ngủ, trên giường số 9 có để điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu đen; đây là điện thoại của anh Nguyễn Xuân S. L lén vào phòng lấy trộm chiếc điện thoại di động trên cho vào túi quần, rồi tẩu thoát. Ngày 17-9-2020, L mang điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus trộm cắp được đến cửa hàng điện thoại H bán cho anh Nguyễn Văn Q được 4.700.000 đồng và sử dụng tiêu xài. Sau khi mua điện thoại di động trên của L, anh Q đã bán lại cho người khác, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P không thu giữ được. Qua định giá, kết luận điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus mà L chiếm đoạt của anh S vào ngày 16-9-2020, có trị giá 4.500.000 đồng.

*Vụ thứ tư:* Khoảng 2 giờ 30 phút ngày 18-9-2020, Nguyễn Nhật L đến Bệnh viện đa khoa thành phố P để tìm cơ hội trộm cắp tài sản của bệnh nhân và người nhà bệnh nhân. Khi đi đến phòng điều trị của Khoa Nội - Nhi - Nhiễm ở tầng 2, L phát hiện mọi người trong phòng đã ngủ, trên một tủ đựng đồ ở đầu giường bệnh có để điện thoại di động hiệu Iphone XS màu vàng (loại 64G); đây là điện thoại của chị Bùi Thị Hiếu A. L lén vào phòng lấy trộm chiếc điện thoại di động trên cho vào túi quần, rồi tẩu thoát. Ngày 19-9-2020, L mang điện thoại trộm cắp được đến cửa hàng điện thoại T bán cho anh Nguyễn Thanh T được 5.000.000 đồng và sử dụng tiêu xài. Quá trình điều tra vụ án, anh T không xác định được có mua điện thoại di động hiệu Iphone XS màu vàng do L mang đến bán hay không, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được. Qua định giá, kết luận điện thoại di động hiệu Iphone XS màu vàng (loại 64G) mà L trộm cắp của chị A vào ngày 18-9-2020, có trị giá 10.000.000 đồng.

*Vụ thứ năm:* Khoảng 3 giờ ngày 21-9-2020, Nguyễn Nhật L đến khu vực Khoa Sản Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai để tìm cơ hội trộm cắp tài sản của bệnh nhân và người nhà bệnh nhân. Khi đi đến phòng điều trị theo yêu cầu B2 ở tầng 2,

L phát hiện mọi người trong phòng đã ngủ, trên đầu giường của một giường bệnh có để điện thoại di động hiệu Iphone XS Max màu vàng; đây là điện thoại của chị Nguyễn Thị T. L lên vào phòng lấy trộm chiếc điện thoại di động trên cho vào túi quần, rồi tẩu thoát. Ngày 23-9-2020, L mang điện thoại trộm cấp được đến cửa hàng điện thoại T bán cho anh Nguyễn Thanh T được 12.000.000 đồng và sử dụng tiêu xài. Quá trình điều tra vụ án, anh T không xác định được có mua điện thoại di động hiệu Iphone XS Max màu vàng do L mang đến bán hay không, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được. Qua định giá, kết luận điện thoại di động hiệu Iphone XS Max màu vàng (loại 256G) mà L trộm cắp của chị T vào ngày 21-9-2020, có trị giá 14.000.000 đồng.

*Vụ thứ sáu:* Khoảng 2 giờ 30 phút ngày 30-9-2020, Nguyễn Nhật L điều khiển xe mô tô hiệu Honda, loại xe Dream, biển số 81F3-6801 đi từ nhà (78B N, tổ 3, phường P1, thành phố P) đến Bệnh viện Đại học Y dược Hoàng Anh Gia Lai để tìm cơ hội trộm cắp tài sản của bệnh nhân và người nhà bệnh nhân. Đến nơi, L dựng xe mô tô ở sân Bệnh viện rồi đi lên tầng 3 khu điều trị. Khi đi đến phòng điều trị số 3.15, L phát hiện mọi người trong phòng đã ngủ, trên một tủ đựng đồ ở đầu giường bệnh có để điện thoại di động hiệu Oppo A3S màu đen; đây là điện thoại của ông Nguyễn Văn T1. L lên vào phòng lấy trộm chiếc điện thoại trên cho vào túi quần, rồi quay ra và đi lên tầng 4. Khi đi đến phòng điều trị số 4.09, L thấy mọi người trong phòng đã ngủ, trên một tủ đựng đồ ở đầu giường bệnh có để 2 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu vàng và Oppo A83 màu đen; đây là các điện thoại của ông Phạm Đức M. L lên vào phòng lấy trộm 2 điện thoại trên, rồi quay ra. Khi L vừa đi ra đến cửa phòng, thì bị ông M phát hiện, truy hô. L bỏ chạy đến trước phòng điều trị số 4.02, thì bị ông M và bảo vệ Bệnh viện bắt giữ, chuyển giao cho Công an phường T, thành phố P xử lý. Ngay sau đó, Công an phường T đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với L, thu giữ của L 1 điện thoại di động hiệu Oppo A3S màu đen (L vừa trộm cắp của ông T), 1 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu vàng và 1 điện thoại di động hiệu Oppo A83 màu đen (L vừa trộm cắp của ông M). Ngoài ra, cơ quan Công an còn thu giữ của L 1 điện thoại di động hiệu Nokia TA1034 màu đen trắng, 1 điện thoại di động hiệu Oppo A33 màu trắng và xe mô tô biển số 81F3-6801.

Qua định giá, kết luận điện thoại di động hiệu Oppo A3S màu đen mà Nguyễn Nhật L chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn T1 vào ngày 30-9-2020, có trị giá 1.500.000 đồng; điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu vàng và Oppo A83 màu đen mà L chiếm đoạt của ông Phạm Đức M vào ngày 30-9-2020, có tổng trị giá 2.200.000 đồng. Sau khi định giá, Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại các điện thoại trên cho ông T và ông M.

Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

## 2. Các vấn đề khác:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì đối với các kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 72/KL-HĐĐG ngày 15-5-2019, số 121/KL-HĐĐGTS ngày 16-10-2020 và số 132/KL-

HĐĐGTS ngày 10-11-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố P.

### 3. Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản cáo trạng số: 12/CT-VKS ngày 15-01-2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Nguyễn Nhật L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Nhật L và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Nhật L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Nhật L với mức án từ 2 năm 6 tháng đến 3 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại theo trị giá của tài sản bị chiếm đoạt mà Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố P đã kết luận.

Về vật chứng: Căn cứ khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trả lại cho bị cáo 1 điện thoại di động hiệu Nokia TA 1034, màu đen trắng và 1 điện thoại di động hiệu Oppo A33, màu trắng (điện thoại cũ, đã qua sử dụng, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P không kiểm tra tình trạng bên trong).

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật; bị cáo rất ăn năn, hối hận và xin lỗi các bị hại. Kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc có khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

## [2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Xét thấy lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Nguyễn Nhật L phạm tội như sau:

Lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của người khác trong việc quản lý tài sản, từ ngày 08-5-2019 đến ngày 30-9-2020, Nguyễn Nhật L đã thực hiện 6 vụ lén lút chiếm đoạt 9 điện thoại di động của người khác trên địa bàn thành phố P, với tổng trị giá 51.700.000 đồng. Ngày 30-9-2020, khi đang thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt điện thoại di động của người khác tại Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai, Nguyễn Nhật L bị bắt quả tang.

Với việc thực hiện hành vi này, bị cáo đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Các tài sản mà bị cáo chiếm đoạt có trị giá 51.700.000 đồng. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã áp dụng tình tiết định khung hình phạt “*Chiếm đoạt tài sản có trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” để quyết định truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Mặc dù bị cáo Nguyễn Nhật L thực hiện 6 vụ trộm cắp, nhưng qua điều tra xác định bị cáo không lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và không lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính, nên không phạm vào tình tiết định khung: “*Có tính chất chuyên nghiệp*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội, bị cáo biết rõ hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vì muốn kiếm tiền một cách bất chính nên đã cố tình chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất nguy hiểm và hậu quả bị cáo đã gây ra.

## [3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho các bị hại, tự thú về những lần phạm tội nhưng chưa bị phát hiện và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Nhật L bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

## [4] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo không có nghề nghiệp, việc làm ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình tham gia tố tụng, các bị hại là ông Nguyễn Văn T1 và ông Phạm Đức M, đã nhận lại điện thoại di động bị chiếm đoạt, không có yêu cầu bồi thường gì khác về dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Bị cáo phải bồi thường cho các bị hại trị giá các tài sản bị chiếm đoạt theo kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự mà Hội đồng định giá tài sản đã xác định, theo đó bị cáo phải bồi thường cho: Anh Trương Tiến H 6.000.000 đồng, anh Nguyễn Như K 11.500.000 đồng, anh Nguyễn Xuân S 4.500.000 đồng, chị Bùi Thị Hiếu A 10.000.000 đồng và chị Nguyễn Thị T 14.000.000 đồng.

Bị cáo đã tác động gia đình là ông Nguyễn C nộp 10.170.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0005045 ngày 24-02-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P để bồi thường một phần thiệt hại cho các bị hại.

Tại phiên tòa, bị cáo trình bày: Đối với 10.170.000 đồng nói trên, bị cáo tự nguyện bồi thường cho anh Trương Tiến H, anh Nguyễn Như K, anh Nguyễn Xuân S và chị Bùi Thị Hiếu A, mỗi người 2.000.000 đồng; bồi thường cho chị Nguyễn Thị T 2.170.000 đồng.

Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Hội đồng xét xử sẽ ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc bồi thường cho các bị hại.

Bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại cho các bị hại.

[6] Về vật chứng vụ án:

1 điện thoại di động hiệu Nokia TA 1034, màu đen trắng và 1 điện thoại di động hiệu Oppo A33, màu trắng là tài sản riêng của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo. Tuy nhiên, cần tiếp tục tạm giữ số tài sản trên để đảm bảo việc thi hành án.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với anh Nguyễn Thành T và anh Nguyễn Văn Q, là những người đã mua các điện thoại di động do bị cáo Nguyễn Nhật L trộm cắp được mang đến bán, qua điều tra xác định: Khi mua điện thoại di động của bị cáo, anh Nguyễn Thành T và anh Nguyễn Văn Q đều không biết đó là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P không xem xét, xử lý về hình sự đối với anh Nguyễn Thành T và anh Nguyễn Văn Q về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, là có căn cứ.

Đối với ông Hoàng Văn Y là lái xe ta-xi dịch vụ Uber, người đã bán giúp cho bị cáo Nguyễn Nhật L điện thoại di động hiệu Nokia 8800E do bị cáo trộm cắp của anh Trương Tiến H, qua điều tra xác định: Khi bán giúp cho bị cáo điện thoại di động nêu trên, ông Hoàng Văn Y không biết đó là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P không xem xét, xử lý về hình sự đối với ông Hoàng Văn Y về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, là có căn cứ.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Nhật L;

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Nhật L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhật L 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30-9-2020.

3. Về bồi thường thiệt hại:

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Nhật L phải bồi thường cho: Anh Trương Tiến H 6.000.000 đồng, anh Nguyễn Như K 11.500.000 đồng, anh Nguyễn Xuân S 4.500.000 đồng, chị Bùi Thị Hiếu A 10.000.000 đồng và chị Nguyễn Thị T 14.000.000 đồng.

Bị cáo đã nộp 10.170.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0005045 ngày 24-02-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc bồi thường cho anh Trương Tiến H, anh Nguyễn Như K, anh Nguyễn Xuân S và chị Bùi Thị Hiếu A, mỗi người 2.000.000 đồng; bồi thường cho chị Nguyễn Thị T 2.170.000 đồng.

Bị cáo còn phải bồi thường cho anh Trương Tiến H 4.000.000 đồng, anh Nguyễn Như K 9.500.000 đồng, anh Nguyễn Xuân S 2.500.000 đồng, chị Bùi Thị Hiếu A 8.000.000 đồng và chị Nguyễn Thị T 11.830.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trả lại cho bị cáo 1 điện thoại di động hiệu Nokia TA 1034, màu đen trắng và 1 điện thoại di động hiệu Oppo A33, màu trắng (điện thoại cũ, đã qua sử dụng, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P không kiểm tra tình trạng bên trong) nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.



(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25-01-2021 giữa Công an thành phố P và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P).

**5. Về án phí:**

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Nhật L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**6. Về quyền kháng cáo:**

Căn cứ vào các Điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bị cáo, ông Nguyễn C có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày 31-3-2021. Đối với những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. P;
- UBND phường P1, thành phố P;
- Bị cáo;
- Các bị hại;
- Những người có QL, NVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Cao Thị Thanh Huyền**